

Số: 1680 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 12 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh “Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 545/TB-VPCP ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp về tiến độ triển khai Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hạ tầng kết nối và quy hoạch, phát triển đô thị sân bay Long Thành và vùng phụ cận;

Căn cứ Thông báo số 131/TB-VPCP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại cuộc họp về Phương án giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành đến Hồ Tràm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo số 220/TB-VPCP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Kết luận số 1549-KL/TU ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thống nhất về chủ trương đối với việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 85/TTr-STC ngày 10 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

1. Bổ sung điểm c vào khoản 1 Mục IV Điều 1 như sau:

“c) Phương án quy hoạch phát triển đô thị trên cơ sở hệ thống giao thông công cộng (Mô hình TOD).

Định hướng quy hoạch phát triển các đô thị trên cơ sở phát triển tuyến Cao tốc đô thị Hồ Tràm - Cảng hàng không quốc tế Long Thành (*Chi tiết tại Phụ lục Ia bổ sung kèm theo*).”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm thuộc khoản 1 Mục VI Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Đường bộ

Xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, liên hoàn, kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông quốc gia, vùng và nội tỉnh, tạo thành một mạng lưới giao thông thông suốt, hiệu quả.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia: Phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia trên địa bàn tỉnh, gồm: Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, Quốc lộ 55, Quốc lộ 56, Quốc lộ 51, Quốc lộ 51C. Quy mô các tuyến đường thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng các đoạn tuyến quốc lộ tránh các đô thị: Tuyến tránh Quốc lộ 51 qua thành phố Bà Rịa, tuyến tránh Quốc lộ 55 qua thị trấn Phước Bửu và thị trấn Đất Đỏ.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh: Đến năm 2030, Bà Rịa-Vũng Tàu có 23 tuyến đường tỉnh, trong đó có 12 tuyến hiện hữu và 11 tuyến bổ sung theo quy hoạch:

+ Đối với 12 tuyến đường tỉnh hiện hữu: Đầu tư nâng cấp, điều chỉnh hướng tuyến của một số đoạn và xây dựng nối dài các đoạn tuyến chưa được hình thành để bảo đảm các thông số kỹ thuật, hình thành mạng lưới giao thông thông suốt, bảo đảm phục vụ thuận lợi cho sản xuất và đời sống Nhân dân.

+ Đối với 11 tuyến đường tỉnh bổ sung mới: Điều chỉnh một số đường hiện hữu, nâng cấp và đầu tư các đoạn mở mới để hình thành mạng lưới giao thông

thông suốt, gồm: ĐT.992B (đường Phước Hòa - Cái Mép); ĐT.992C (đường 965); ĐT.994B (đường trục chính Bà Rịa - Vũng Tàu); ĐT.994C (đoạn đường QL51 chuyển thành đường địa phương); ĐT.994D (đường 30/4); ĐT.994E (đường Hoàng Sa); ĐT.995C (Nghĩa Thành - Cù Bị); ĐT.996D (Châu Đức - Long Điền); ĐT.999B (Hồ Cốc - Hòa Hiệp); đường vòng huyện Côn Đảo; đường cao tốc đô thị Hồ Tràm - Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

+ Bổ sung Phụ lục VI. Phương án phát triển mạng lưới giao thông đường bộ: bổ sung dự án số thứ tự 11 vào Mục II “Các tuyến quy hoạch” thuộc Bảng II “Mạng lưới đường tỉnh” như sau:

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch tối thiểu (cấp/làn xe)	
				Thời kỳ 2021-2030	Tầm nhìn 2050
11	Đường cao tốc đô thị Hồ Tràm - Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Nút giao với đường Vành đai 4 TP. HCM và ĐT.991 thuộc TP. Phú Mỹ	Giao với ĐT.994 (đường ven biển) thuộc huyện Xuyên Mộc	Cao tốc đô thị 04 làn xe	Cao tốc đô thị 06 làn xe

b) Sửa đổi điểm e như sau:

“e) Cảng hàng không/sân bay

- Phát triển cảng hàng không Côn Đảo: quy mô, cấp sân bay, công suất thiết kế, diện tích đất dự kiến thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Quy hoạch sân bay Đất Đỏ là sân bay chuyên dùng cấp 4C, diện tích đất dự kiến khoảng 244,3ha.

- Đưa ra ngoài quy hoạch sân bay Gò Găng, định hướng sử dụng khu đất quy hoạch sân bay Gò Găng để phát triển đô thị, dịch vụ. Phương án sử dụng đất cụ thể sẽ nghiên cứu đề xuất khi điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu và quy hoạch phân khu đô thị Gò Găng.

- Duy trì hoạt động của sân bay Vũng Tàu hiện hữu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; cứu nạn, cứu hộ; phục vụ hoạt động khai thác, thăm dò dầu khí và một số hoạt động kinh tế, xã hội khác.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Mục VII Điều 1 như sau:

“5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

- Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi) ở các đô thị. Tại thành phố Vũng Tàu, thành phố Bà Rịa, thành phố Phú Mỹ và huyện Xuyên Mộc xây dựng trung tâm thương mại hạng I, II, III và xây dựng siêu thị hạng I, II, III phù hợp với quy mô dân số, thu nhập, trình độ phát triển và hạ tầng giao thông thuận lợi. Đối với các đô thị loại IV, loại V xây dựng các trung tâm thương mại hạng II, III phù hợp với nhu cầu của dân cư đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục XVa, bổ sung kèm theo).

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng các chợ hạng I, chợ đầu mối, chợ chuyên doanh nông sản, hải sản thuộc các đô thị: Vũng Tàu, Bà Rịa, Phú Mỹ và tại trung tâm các huyện. Nâng cấp, sắp xếp các chợ hạng II, hạng III bảo đảm các yêu cầu thuận lợi phục vụ đời sống nhân dân và bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy. Phát triển các chợ đêm phục vụ du lịch tại các đô thị Vũng Tàu, Bà Rịa, Long Hải, Hồ Tràm, Bình Châu.”.

4. Sửa đổi Phụ lục XVI kèm theo khoản 1 Mục VIII Điều 1.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI (sửa đổi), kèm theo).

5. Sửa đổi điểm d khoản 1 Mục X Điều 1 như sau:

“d) Phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất, chỉ tiêu diện tích đất rừng đến năm 2030 là 29.981,22 ha, gồm: diện tích đất rừng đặc dụng 16.497 ha, diện tích đất rừng phòng hộ 9.842,22 ha và diện tích đất rừng sản xuất 3.642 ha. Tập trung nâng cao chất lượng rừng. Bảo tồn, phát triển, nâng cao chất lượng đa dạng sinh học tại 02 khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia: Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu và Vườn quốc gia Côn Đảo.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Mục XI Điều 1 như sau:

- Sửa đổi bỏ dự án “Sân bay chuyên dùng Gò Găng (thay thế sân bay Vũng Tàu hiện hữu)” số thứ tự 2, Mục I. “Hạ tầng kỹ thuật” Phụ lục XIX. Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện.

- Bổ sung danh mục dự án tại cuối Mục I. “Hạ tầng kỹ thuật” Phụ lục XIX. Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện:

STT	Tên dự án	Dự kiến quy mô/công suất	Dự kiến thời gian thực hiện	
			2021 - 2030	Sau 2030
44	Đường cao tốc đô thị Hồ Tràm - Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Cao tốc đô thị 04 - 06 làn xe	04 làn xe	06 làn xe

7. Sửa đổi Mục XIII Điều 1 như sau:

Sửa đổi nội dung một số sơ đồ, bản đồ có số thứ tự và tên gọi tại Phụ lục XX như sau:

1. Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;
- 4.1. Sơ đồ phương án phát triển hạ tầng giao thông;
5. Bản đồ, sơ đồ phương án phân bổ, khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất;
7. Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu (*điều chỉnh nội dung quy hoạch rừng phòng hộ do chuyển 7,78 ha đất rừng phòng hộ sang đất phát triển hạ tầng giao thông*).
8. Các nội dung khác của Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là một phần không tách rời nội dung quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2023; là cơ sở, căn cứ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, triển khai các thủ tục đầu tư dự án có liên quan trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Sở Tài chính

- Tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Rà soát, điều chỉnh hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này;

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch đất rừng phòng hộ và các chỉ tiêu sử dụng đất khác của tỉnh đến năm 2030 phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của tỉnh và thống nhất với chỉ tiêu sử dụng đất giao cho tỉnh tại các quy hoạch cấp quốc gia.

d) Các cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì trong quá trình thực hiện các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐB QH & HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH 



Lê Ngọc Khánh



Phụ lục Ia

**PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ TRÊN CƠ SỞ
TUYẾN CAO TỐC ĐÔ THỊ HỒ TRÀM - CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
LONG THÀNH (THEO MÔ HÌNH TOD)**

(Kèm theo Quyết định số ~~1680~~ **1680** QĐ-UBND

ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Các nút giao trên tuyến cao tốc đô thị Hồ Tràm - CHK quốc tế Long Thành	Phương án dự kiến phát triển các đô thị theo mô hình TOD	Định hướng chức năng phát triển
(1) Nút giao với Vành đai 4 TP HCM và ĐT.991	Định hướng quy hoạch phát triển đô thị trên cơ sở giao thông công cộng gắn với phát triển khu dịch vụ logistics Phú Mỹ số 1, khu đô thị, dịch vụ Sông Xoài	- Đô thị logistics - dịch vụ hậu cần cảng hàng không, cảng biển - Phát triển khu đô thị thông minh - Trung tâm thương mại
(2) Nút giao với QL56	Định hướng quy hoạch phát triển đô thị trên cơ sở giao thông công cộng (đô thị Ngãi Giao và khu vực Bình Ba)	- Phát triển đô thị dịch vụ - Trung tâm thương mại
(3) Nút giao với ĐT.998 (TL.328)	Phát triển đô thị Hoà Bình; Trung tâm dịch vụ thương mại thể thao và thi đấu giải trí Xuyên Mộc	- Phát triển đô thị dịch vụ - Trung tâm dịch vụ thương mại thể thao và thi đấu giải trí
(4) Nút giao với QL55	Định hướng quy hoạch phát triển đô thị trên cơ sở giao thông công cộng (đô thị Phước Bửu); các điểm tập trung dân cư, dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng	Phát triển đô thị dịch vụ; đồng thời phát triển điểm tập trung dân cư gắn với phát triển du lịch cộng đồng

Quy mô, phạm vi, ranh giới, diện tích, địa điểm, tính chất, chức năng cụ thể của từng đô thị, sẽ nghiên cứu đề xuất trong các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn có liên quan.



Phụ lục XVa
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG SIÊU THỊ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
(Kèm theo Quyết định số 1680/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

TT	Tên siêu thị, TTTM	Địa điểm	Loại hình	Hạng
I	HỆ THỐNG SIÊU THỊ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI ĐANG HOẠT ĐỘNG			
1	Siêu thị			
1.1	Co.op Mart Vũng Tàu	Phường 7, TP Vũng Tàu	Tổng hợp	I
1.2	Mega Market Vũng Tàu	Phường 11, TP Vũng Tàu	Tổng hợp	I
1.3	Co.op Mart Bà Rịa	P. Phước Trung, TP Bà Rịa	Tổng hợp	I
1.4	Đại siêu thị Go! Bà Rịa	P. Phước Trung, TP Bà Rịa	Tổng hợp	I
1.5	Siêu thị Điện máy nội thất Chợ Lớn	P. Phước Trung, TP Bà Rịa	Chuyên doanh	II
1.6	Siêu thị Điện máy Nội thất Chợ Lớn	P. Nguyễn An Ninh, TP Vũng Tàu	Chuyên doanh	III
1.7	Siêu thị U mart	Phường 10, TP Vũng Tàu	Tổng hợp	III
1.8	Siêu thị Điện máy nội thất Chợ Lớn	X. Phước Hưng, huyện Long Đất	Chuyên doanh	III
1.9	Siêu thị Điện máy nội thất Chợ Lớn	P. Tân Phước, TP Phú Mỹ	Chuyên doanh	III
1.10	Co.op Mart Tân Thành	P. Phú Mỹ, TP Phú Mỹ	Tổng hợp	III
1.11	Siêu thị TAKAI	Khu 6, Huyện Côn Đảo	Tổng hợp	III
2	Trung tâm thương mại			
2.1	TTTM Lam Sơn Square	Phường 1, TP Vũng Tàu		III
2.2	TTTM Lotte Mart Vũng Tàu	Phường 8, TP Vũng Tàu		III
2.3	TTTM Lapen Center	Phường 9, TP Vũng Tàu		III
2.4	TTTM KNG Mall	P. Phú Mỹ, TP Phú Mỹ		III

Uch

TT	Tên siêu thị, TTTM	Địa điểm	Loại hình	Hạng
II	HỆ THỐNG SIÊU THỊ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI QUY HOẠCH ĐÃ CÓ TRONG BÁO CÁO TỔNG HỢP QUY HOẠCH TỈNH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH 1629/QĐ-TTG			
1	Siêu thị			
1.1	Siêu thị Kim Dinh	Phường Kim Dinh, TP Bà Rịa	Tổng hợp	II
1.2	Siêu thị Long Điền	TT Long Điền, H. Long Đất	Tổng hợp	II
1.3	Siêu thị Phước Hưng	Xã Phước Hưng, H. Long Đất	Chuyên doanh	III
1.4	Siêu thị Long Hải	TT Long Hải, H. Long Đất	Tổng hợp	III
1.5	Siêu thị Đất Đỏ	TT Đất Đỏ, H. Long Đất	Tổng hợp	III
1.6	Siêu thị Phước Bửu	TT. Phước Bửu, H. Xuyên Mộc	Tổng hợp	III
1.7	Siêu thị Hồ Tràm	Hồ Tràm, xã Phước Thuận, H. Xuyên Mộc	Tổng hợp	III
1.8	Siêu thị Ngãi Giao	TT Ngãi Giao, H. Châu Đức	Tổng hợp	III
1.9	Siêu thị Kim Long	TT Kim Long, H. Châu Đức	Tổng hợp	III
1.10	Siêu thị Suối Nghệ	KCN-đô thị Châu Đức	Tổng hợp	III
1.11	Siêu thị Côn Đảo	Huyện Côn Đảo	Tổng hợp	III
2	Trung tâm thương mại			
2.1	Trung tâm thương mại Phước Lập	Phường Mỹ Xuân	Tổng hợp	III
2.2	Trung tâm thương mại Tân Hạnh	Phường Phú Mỹ	Tổng hợp	III
2.3	Trung tâm thương mại Phước Hoà	P. Phước Hòa, TP Phú Mỹ	Tổng hợp	III
2.4	Trung tâm thương mại Tóc Tiên	Xã Tóc Tiên, TP Phú Mỹ	Tổng hợp	III

TT	Tên siêu thị, TTTM	Địa điểm	Loại hình	Hạng
2.5	Trung tâm thương mại - khu nhà ở Phước Hưng	P. Phước Hưng, TP Bà Rịa	Tổng hợp	III
2.6	Trung tâm thương mại Phước Nguyên	P. Phước Nguyên, TP Bà Rịa	Tổng hợp	III
2.7	Trung tâm thương mại Long Điền	TT Long Điền, H. Long Đất	Tổng hợp	III
2.8	Trung tâm thương mại Long Hải	TT Long Hải, H. Long Đất	Tổng hợp	III
2.9	Trung tâm thương mại Phước Tỉnh	Xã Phước Tỉnh, H. Long Đất	Tổng hợp	III
2.10	Trung tâm thương mại Đất Đỏ	TT Đất Đỏ, H. Long Đất	Tổng hợp	III
2.11	Trung tâm thương mại Phước Hải	TT Phước Hải, H. Long Đất	Tổng hợp	III
2.12	Trung tâm thương mại Kim Long	TT Kim Long, H. Châu Đức	Tổng hợp	III
2.13	Trung tâm thương mại Cù Bị	xã Cù Bị, H. Châu Đức	Tổng hợp	III
2.14	Trung tâm thương mại Côn Đảo	Huyện Côn Đảo	Tổng hợp	III
III	HỆ THỐNG SIÊU THỊ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI HẠNG I ĐỀ XUẤT BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH TỈNH			
1	Siêu thị			
1.1	Siêu thị Bến Đình	Khu đô thị Cù Lao Bến Đình, Phường 9, TP. Vũng Tàu	Tổng hợp	I
1.2	Siêu thị Long Sơn	Xã Long Sơn, TP. Vũng Tàu	Tổng hợp	I
1.3	Siêu thị Bắc Vũng Tàu	Khu Bắc Phước Thắng, Phường 12, TP. Vũng Tàu	Tổng hợp	I
1.4	Siêu thị Phú Mỹ	Phường Phú Mỹ, TP Phú Mỹ	Tổng hợp	I
1.5	Siêu thị Tân Hải	Phường Tân Hải, TP Phú Mỹ	Tổng hợp	I
1.6	Siêu thị Long Toàn	Phường Long Toàn, TP Bà Rịa	Tổng hợp	I

TT	Tên siêu thị, TTTM	Địa điểm	Loại hình	Hạng
2	Trung tâm thương mại			I
2.1	Trung tâm thương mại Vũng Tàu	Phường 3 và phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu	Tổng hợp	I
2.2	Trung tâm thương mại Đường 2/9	Phường 11, TP. Vũng Tàu	Tổng hợp	I
2.3	Trung tâm thương mại Bắc Phước Thắng	Phường Phước Thắng, TP. Vũng Tàu	Tổng hợp	I
2.4	Trung tâm thương mại Gò Găng	Long Sơn, TP. Vũng Tàu	Tổng hợp	I
2.5	Trung tâm thương mại Long Hương	Phường Long Hương, TP. Bà Rịa	Tổng hợp	I
2.6	Trung tâm thương mại Sông Xoài	Xã Sông Xoài, TP. Phú Mỹ	Tổng hợp	I
2.7	Trung tâm thương mại Tân Phước	Phường Tân Phước, TP. Phú Mỹ	Tổng hợp	I
2.8	Trung tâm thương mại Tân Hoà	Phường Tân Hoà, TP. Phú Mỹ	Tổng hợp	I
2.9	Trung tâm thương mại Phước Bửu	TT Phước Bửu, H. Xuyên Mộc	Tổng hợp	I
2.10	Trung tâm thương mại Bình Châu	Xã Bình Châu, H. Xuyên Mộc	Tổng hợp	I
2.11	Trung tâm thương mại Hoà Hiệp	Xã Hoà Hiệp, H. Xuyên Mộc	Tổng hợp	I

Ghi chú:

(1) Trung tâm thương mại Long Hương theo Quy hoạch tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 16/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ là TTTM hạng III, nay điều chỉnh thành TTTM hạng I.

(2) Địa điểm xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại trên đây chỉ định hướng về bố trí không gian; tên dự án, vị trí, địa điểm đầu tư các siêu thị, trung tâm thương mại sẽ xác định tại các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng các khu chức năng hoặc khi lập thủ tục đầu tư. Quy mô, tính chất, chức năng của từng siêu thị và trung tâm thương mại sẽ xem xét trên cơ sở nhu cầu cung cấp dịch vụ, dự báo quy mô dân số, quy mô khách du lịch, vị trí địa lý, các yếu tố văn hoá, lịch sử, tiềm năng, lợi thế phát triển... của từng địa bàn.

(3) Đối với các cơ sở, cửa hàng, trung tâm mua sắm bán lẻ có quy mô nhỏ, là một trong những phân khu chức năng được hình thành trong các dự án phức hợp với chức năng hoạt động chính về nhà ở, khách sạn, du lịch, trạm dừng chân cao tốc ... thì không xét đến quy hoạch hạ tầng thương mại, mà được thực hiện trên cơ sở quy hoạch phân khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của từng dự án.

Chữ ký

Phụ lục XVI
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (SỬA ĐỔI)
(Kèm theo Quyết định số ~~1680~~ 1680/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Chỉ tiêu	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ theo QĐ số 326/QĐ-TTg (ha)	Nhu cầu sử dụng đất của tỉnh đến năm 2030 tại Quyết định 1629/QĐ-TTg (ha)	Điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất của tỉnh đến năm 2030 (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	131.942	131.845	131.624
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.714	9.714	9.698
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>8.000</i>	<i>8.000</i>	<i>8.000</i>
1.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	9.850	9.850	9.842
1.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	16.497	16.497	16.497
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	3.642	3.642	3.642
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>197</i>	<i>0</i>	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	65.940	66.037	66.258
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	8.305	8.305	8.304,7
2.2	Đất an ninh*	CAN	1.136	1.234	1.234
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	10.755	10.755	10.755
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	19.402	20.233	20.513
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	11.363	11.363	11.659
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	220	220	219

STT	Chỉ tiêu	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ theo QĐ số 326/QĐ-TTg (ha)	Nhu cầu sử dụng đất của tỉnh đến năm 2030 tại Quyết định 1629/QĐ-TTg (ha)	Điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất của tỉnh đến năm 2030 (ha)
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	106	106	106
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	708	708	708
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	291	291	291
-	Đất công trình năng lượng	DNL	967	967	967
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	17	17	17
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	4	4	4
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	191	191	191
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	203	203	203
3	Đất chưa sử dụng	CSD	374	374	374
4	Đất khu kinh tế	KKT	0	0	0
5	Đất khu công nghệ cao	KCN	0	0	0
6	Đất đô thị	KDT	83.602	88.461	88.461